

Bài 2. Điền l hay n?

_____uyên đọc

__ứng còng

cá ____ ục

—ém bóng

—òng mẹ

____ ước sống

Bài 3. Điền **uôi** hay **ươi** và thêm dấu thanh thích hợp:

lò s_____

dòng s_____

b_____đào

t_____cây

† _____ thơ

c_____ cùng

Bài 4. Điền **an** hay **at** và thêm dấu thanh thích hợp:

ca h_____

gió m_____

d_____chim

thợ h_____

th_____ đá

nhút nh_____

Bài 5. Điền r, d hay gi?

- Bé chơi nhảy ____ây.
- Thầy ____áo ____ảng bài.
- Mẹ ____án bánh ____òn tan.
- Cơn ____ó thổi qua mát rượi:
- ____ì Thu cho em quà bánh.
- Bếp lửa cháy đỏ ____ực.

Bài 6. Điền tiếng chứa vần **ua, ang** vào chỗ trống cho phù hợp:

Con _____ tám cẳng hai càng

Chẳng đi mà lại bò _____ cả ngày.

Bài 7. Viết câu chứa tiếng có vần **ong**:

Bài 8. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

như / Thái Sơn / công / núi / cha / . /

B. TOÁN

Bài 1. Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

- Khi viết số 10, ta viết chữ số trước, viết chữ số sau.
- Khi viết số 17, ta viết chữ số trước, viết chữ số sau.
- Khi viết số 28, ta viết chữ số trước, viết chữ số sau.
- Khi viết số có hai chữ số, ta viết chữ số hàng trước, viết chữ số hàng sau.

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- mười: - mười hai: - mười bốn:
- hai mươi: - mười chín: - mười lăm:

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Ba số liên tiếp sau số 10 là:
- b) Số lớn hơn 13 và bé hơn 15 là:
- c) Số liền trước số 19 là:

Bài 4. Trên ô tô có 10 người. Điểm dừng thứ nhất có 3 người xuống, điểm thứ hai có 4 người xuống. Hỏi trên ô tô còn lại mấy người?

Viết phép tính thích hợp vào ô trống:

--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Điền số thích hợp vào ô trống sao cho khi cộng ba số ở ba ô liên tiếp đều có kết quả bằng 10:

0	3												
---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Điền số thích hợp vào ô trống sao cho khi cộng ba số ở ba ô liên tiếp đều có kết quả bằng 9:

						3					5			
--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	---	--	--	--